

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Trần và ông Trần Xuân Ngọc

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1942; địa chỉ: TDP L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn 5B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (vắng mặt - đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/8/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị C kết hôn với nhau ngày 14/8/2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn bà C cùng về chung sống tại quê của ông T1 ở tại TDP L, thị trấn Đ, huyện huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Khoảng đầu năm 2023, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đó cho đến nay, ông nhiều lần nói chuyện với bà C nhưng giữa ông và bà C không có tiếng nói chung. Hiện nay bà C đã chuyển về sinh sống tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà C và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 22/8/2023, bị đơn là bà Đặng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh T1 kết hôn với nhau ngày 14/8/2014 và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn bà cùng ông T1 về chung sống tại TDP L, thị trấn Đ, huyện huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Đến đầu năm 2023, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay bà đã chuyển về sinh sống tại thôn 5B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nay ông T1 làm đơn ly hôn, bà đồng ý ly hôn vì bà nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng bà không còn hạnh phúc, không yêu thương nhau.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung và bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho ông Nguyễn Minh T1 ly hôn bà Đặng Thị C. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Minh T1 khởi kiện xin ly hôn bà Đặng Thị C. Bà C đăng ký nơi thường trú tại thôn 5B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, ông T1, bà C đã có Văn bản thỏa thuận về việc đề nghị giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi ông T1 đang cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Nguyễn Minh T1 và bà Đặng Thị C kết hôn với nhau ngày 14/8/2014 và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống ông T1, bà C đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng mâu thuẫn, bà C đã chuyển về sinh sống tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, ở từ đầu năm 2023 và ông bà sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết ly hôn ông T1 kiên quyết đề nghị giải quyết ly hôn, bà C cũng xác định vợ chồng không còn tình

cảm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T1, bà C và mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông T1 và cho ông T1 được ly hôn bà C là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Ông T1, bà C không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Ông T1, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông T1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông T1 theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Minh T1 ly hôn bà Đặng Thị C.

[2] *Về án phí*: Ông Nguyễn Minh T1 được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mâu Văn Mùi